

555 600

555 650

555 700

555 750

MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHẬN DÀN LAM NHÀ Ở
TẠI THÔN ĐỒ QUAN - XÃ YÊN DƯƠNG THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 16 THỪA ĐẤT SỐ 58
TỶ LỆ 1:500

BẢNG KÊ TOA ĐỘ VN 2000

STT	X (m)	Y (m)	STT	X (m)	Y (m)
1	224216,17	555681,58	36	2242261,15	555783,74
2	224219,59	555689,28	37	2242261,15	555784,74
3	224223,01	555696,94	38	2242244,33	555791,51
4	224226,42	555704,62	39	2242241,82	555785,51
5	224229,84	555712,3	40	2242239,32	555779,51
6	224233,26	555719,97	41	2242236,81	555773,51
7	224236,18	555726,66	42	2242234,31	555767,51
8	224235,81	555727,57	43	2242231,8	555761,52
9	224220,22	555733,84	44	2242229,29	555755,52
10	224217,14	555736,45	45	2242226,79	555749,52
11	224213,9	555743,17	46	2242222,43	555744,27
12	224210,67	555750,95	47	2242217,78	555737,52
13	224207,43	555753,2	48	2242219,92	555738,27
14	224204,19	555695,44	49	2242224,93	555750,27
15	224200,96	555687,69	50	2242224,93	555750,27
16	224199,1	555688,44	51	2242227,44	555756,26
17	224202,34	555696,19	52	2242229,84	555762,26
18	224205,57	555703,84	53	2242232,45	555768,26
19	224208,81	555711,7	54	2242234,95	555774,26
20	224212,05	555719,45	55	2242237,46	555780,26
21	224215,29	555727,2	56	2242239,87	555786,26
22	224218,37	555734,58	57	2242242,47	555792,25
23	224218,88	555694,56	58	2242244,83	555793,35
24	224218,94	555702,38	59	2242222,46	555793,35
25	224219,00	555710,2	60	2242220,1	555787,24
26	224223,47	555712,1	61	2242217,73	555781,18
27	224228,47	555731,62	62	2242215,36	555775,13
28	224240,81	555736,88	63	2242213,00	555769,07
29	224243,46	555742,82	64	2242210,63	555763,02
30	224246,1	555748,76	65	2242208,27	555756,97
31	224248,74	555754,7	66	2242205,9	555750,91
32	224251,39	555760,85	67	2242203,53	555744,86
33	224254,03	555766,59	68	2242202,09	555741,13
34	224256,68	555772,53	69	2242198,17	555735,68
35	224259,32	555778,47	70	2242196,12	555729,65
			71	2242193,06	555718,03



BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

Tổng (L/Thm ²)	Tổng số
QH DM 1	QH DM CT
4707,0	3839,0
	549,0
	319,0

UBND XÃ YÊN DƯƠNG
Yên Dương ngày 12 tháng 8 năm 2025

PHÒNG KINH TẾ
Yên Dương ngày 12 tháng 8 năm 2025



KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
VŨ ĐÌNH ĐỨC



PHÒNG KINH TẾ
PHAN VĂN TIẾN

555 600

555 650

555 700

555 750

2242
450

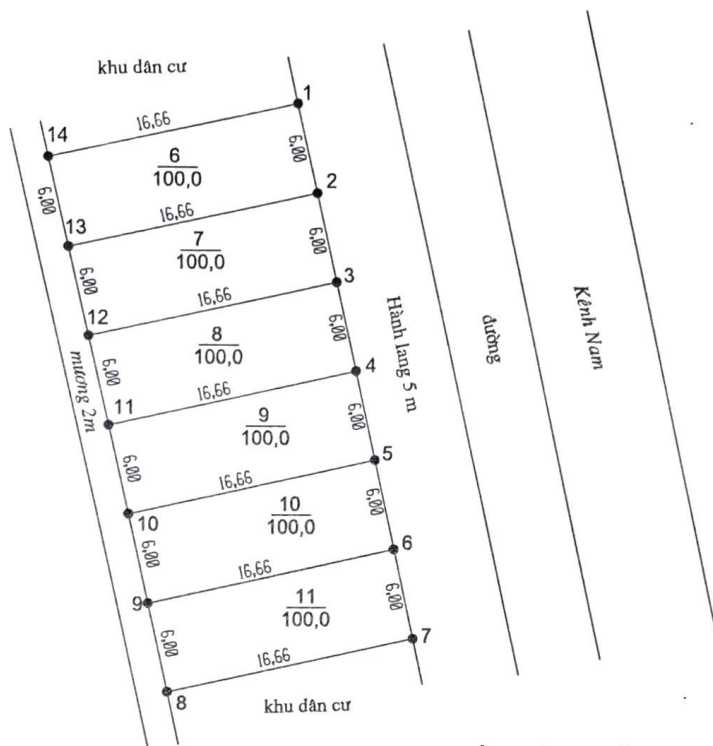
2242
450

559 949

559 000

2241
0002241
000

MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở
TẠI KHU KÊNH NAM - XÃ YÊN ĐỒNG THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SƠ: 25 THỬA ĐẤT SỐ 27
TỶ LỆ 1:500

2241
9502241
950

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	X (m)	Y (m)	STT	X (m)	Y (m)
1	2241858,31	559394,3	8	2241819,56	559385,84
2	2241852,46	559395,6	9	2241825,42	559384,54
3	2241846,6	559396,9	10	2241831,27	559383,24
4	2241840,74	559398,21	11	2241837,13	559381,94
5	2241834,88	559399,51	12	2241842,99	559380,64
6	2241829,03	559400,81	13	2241848,85	559379,34
7	2241823,17	559402,11	14	2241854,7	559378,04

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

Tổng DT(m ²)	Trong đó		
	QH Đất ở	QH Đất GT	QH Đất TL
901,0	600,0	229,0	72,0

UBND XÃ YÊN ĐỒNG

Yên Đồng ngày 12 tháng 8 năm 2025



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
VŨ ĐÌNH ĐƯỢC

PHÒNG KINH TẾ

Yên Đồng ngày 12 tháng 8 năm 2025



TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ

PHAN VĂN TIẾN

559 000

559 | 000

2241
000

2241
000



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	X (m)	Y (m)	STT	X (m)	Y (m)
1	2241785,59	559132,92	9	2241754,53	559158,18
2	2241786,47	559151,64	10	2241754,48	559152,18
3	2241778,47	559151,78	11	2241762,48	559152,04
4	2241773,27	559152,86	12	2241770,48	559151,91
5	2241773,65	559160,86	13	2241753,59	559133,45
6	2241774,03	559168,85	14	2241761,59	559133,31
7	2241755,28	559169,16	15	2241769,59	559133,18
8	2241754,90	559161,17	16	2241777,59	559133,05

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

Tổng DT(m2)	Trong đó		
	QH Đất ở	QH Đất GT	QH Đất TL
1480,0	900,0	530,0	50,0

UBND XÃ YÊN ĐỒNG
Yên Đồng ngày 12 tháng 08 năm 2025

PHÒNG KINH TẾ *for 2*
Yên Dũng ngày *12* tháng *8* năm 2025



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
VŨ ĐÌNH ĐƯỢC**



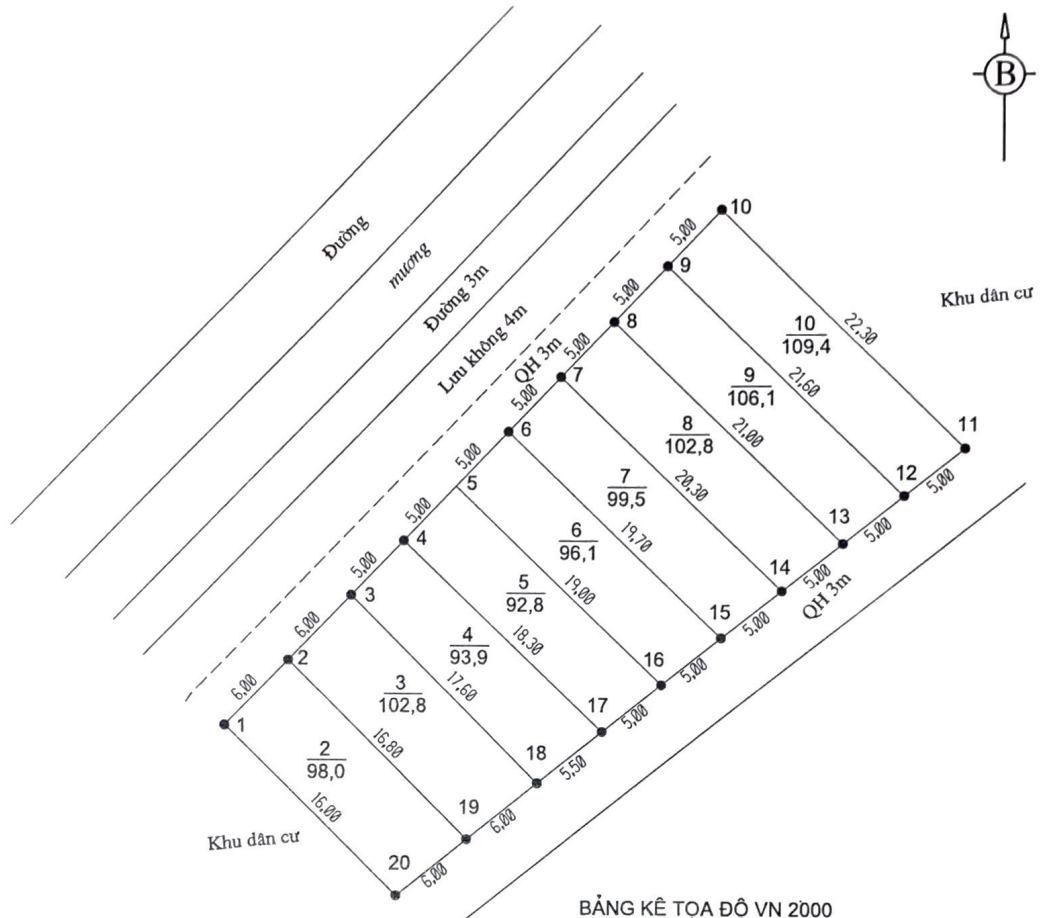
TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ
PHAN VĂN TIẾN

559	950
-----	-----

559	000
-----	-----

MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở
TẠI XÓM BẾN - XÃ YÊN ĐỒNG THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 7 THỬA ĐẤT SỐ 20

TỶ LỆ 1:500



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	X (m)	Y (m)	STT	X (m)	Y (m)
1	2237507,98	557497,63	11	2237526,28	557546,19
2	2237512,3	557501,79	12	2237523,17	557542,27
3	2237516,62	557505,95	13	2237520,06	557538,36
4	2237520,23	557509,42	14	2237516,95	557534,45
5	2237523,83	557512,88	15	2237513,84	557530,53
6	2237527,44	557516,35	16	2237510,73	557526,62
7	2237531,04	557519,81	17	2237507,61	557522,71
8	2237534,64	557523,28	18	2237504,19	557518,4
9	2237538,25	557526,75	19	2237500,46	557513,7
10	2237541,85	557530,21	20	2237496,72	557509,01

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

Tổng DT(m2)	Trong đó		
	QH Đất ở	QH Đất GT	QH Đất TL
1761,7	1014,1	747,6	

UBND XÃ YÊN ĐỒNG
Yên Đồng ngày 12 tháng 8 năm 2025

PHÒNG KINH TẾ
Yên Đồng ngày 12 tháng 8 năm 2025



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
VŨ ĐÌNH ĐƯỢC



TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ
PHAN VĂN TIẾN